

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLEI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TCKH  
V/v báo cáo kết quả thực  
hành tiết kiệm, chống lãng  
phí 6 tháng đầu năm 2024  
phục vụ kỳ họp thứ 7, HĐND  
tỉnh Kon Tum Khóa XII

Đăk Glei, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Chi cục Thuế huyện;
- Kho bạc Nhà nước huyện;
- Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện Đăk Glei;
- UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 4508/UBND-KTTH ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tham mưu các nội dung trình các kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2024; Công văn số 1637/STC-CV ngày 02/5/2024 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2024 phục vụ kỳ họp thứ 7, HĐND tỉnh Kon Tum Khóa XII.

Ủy ban nhân dân huyện đề nghị các phòng, ban trực thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2024; Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của địa phương, đơn vị mình gửi về UBND huyện (qua Phòng Tài chính Kế hoạch) **chậm nhất ngày 10/5/2024** để tổng hợp báo cáo Sở Tài chính theo quy định, trong đó cần lưu ý các vấn đề sau:

**1.** Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn lập báo cáo kết quả THPTK-CLP 6 tháng đầu năm 2024 đầy đủ, đúng nội dung theo Đề cương, biểu mẫu kèm theo Công văn này. Đồng thời rà soát, báo cáo tình hình triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 90/UBND-KTTH ngày 12 tháng 01 năm 2023 về việc Triển khai thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15, ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội; Kế hoạch số 763/KH-UBND ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”.

**2.** Thời kỳ lấy thông tin, số liệu tổng hợp báo cáo: Tổng hợp chính xác số liệu, đánh giá đúng tình hình về các nội dung liên quan (từ ngày 01/01/2024 đến hết tháng 04/2024) và dự báo 02 tháng (đến hết tháng 06 năm 2024).

**3.** Đối với các phòng, ban của huyện có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành, ngoài việc báo cáo kết quả THPTK-CLP trong nội bộ của phòng, ban mình, đề nghị Báo cáo, đánh giá đầy đủ tình hình, kết quả THPTK-CLP, hiệu quả

công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân công trong phạm vi toàn huyện 6 tháng đầu năm 2024, cụ thể:

- **Phòng Tài chính – kế hoạch, Phòng Kinh tế - Hạ tầng:** Báo cáo, đánh giá về THPTK-CLP trong quản lý quy hoạch, kế hoạch, quản lý giám sát và đánh giá các dự án đầu tư; quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đấu thầu, công tác thẩm định dự án đầu tư ... *(Số liệu chi tiết theo Mục IV - Phụ lục số 02 và Phụ lục số 04 kèm theo Công văn này).*

- **Phòng Tài nguyên - Môi Trường:** Báo cáo, đánh giá về THPTK-CLP trong quản lý quy hoạch ngành, trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và báo cáo, đánh giá tình hình kết quả công tác quản lý nhà nước về môi trường, các hoạt động về bảo vệ môi trường đã và đang triển khai thực hiện *(Số liệu chi tiết theo Mục V - Phụ lục số 02 và Phụ lục số 04 kèm theo Công văn này).*

- **Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn:** Báo cáo, đánh giá về THPTK-CLP trong quản lý quy hoạch ngành, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và báo cáo, đánh giá tình hình kết quả công tác quản lý nhà nước; các dự án đối với lĩnh vực nông lâm thủy sản, di dân tái định cư... đã và đang triển khai thực hiện *(Số liệu chi tiết theo Mục V - Phụ lục số 02 và Phụ lục số 04 kèm theo Công văn này).*

- **Phòng Nội vụ:** Báo cáo, đánh giá về THPTK-CLP trong bố trí, tuyển dụng, quản lý công chức; viên chức; công vụ; công tác đào tạo, đào tạo lại theo các Đề án, chương trình đã và đang triển khai thực hiện và kết quả tổng quan về triển khai, thực hiện cải cách hành chính; *(Số liệu chi tiết theo Mục VI - Phụ lục số 02 và Phụ lục số 04 kèm theo Công văn này).*

- **Phòng Lao động – TB&XH:** Báo cáo, đánh giá về THPTK-CLP trong quản lý về lao động; thời gian lao động; báo cáo, đánh giá tình hình kết quả công tác quản lý các Chương trình quốc gia về việc làm; đào tạo nghề đã và đang triển khai thực hiện *(Số liệu chi tiết theo Mục VI - Phụ lục số 02 và Phụ lục số 04 kèm theo Công văn này).*

- **Phòng Văn hóa - Thông tin:** Báo cáo, đánh giá về THPTK-CLP trong quản lý về công tác tuyên truyền, vận động cổ động phong trào thi đua, THPTK-CLP trong nhân dân; quản lý về tổ chức các ngày kỷ niệm, lễ hội...;

- **Thanh tra huyện:** Báo cáo, đánh giá kết quả công tác thanh tra trên phạm vi toàn huyện, tình hình, số liệu về kết quả phát hiện, xử lý vi phạm phát hiện qua công tác thanh tra đến thời điểm báo cáo; tình hình, kết quả thực hiện, xử lý theo kết luận; kiến nghị qua công tác thanh tra từ năm 2024 trở về trước chưa xử lý. *(Số liệu chi tiết theo Mục IX - Phụ lục số 02 và Phụ lục số 04 kèm theo Công văn này).*

- **Chi Cục thuế huyện:** Báo cáo, đánh giá kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế và tình hình nợ đọng thuế trên phạm vi toàn huyện.

- **Kho bạc Nhà nước huyện:** Báo cáo, đánh giá kết quả kiểm soát chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 trên phạm vi toàn huyện; việc chi trả tiền lương qua tài khoản đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách *(gồm: số cơ quan đã thực hiện; tỷ lệ % và kế hoạch tiếp tục triển khai trong thời gian đến);*

**4. Đối với UBND các xã, thị trấn:** Báo cáo, đánh giá về THPTK-CLP cần có nội dung, số liệu, tình hình, kết quả THPTK-CLP tại xã trên từng lĩnh vực theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 10/12/2014 của Chính

phủ và Đề cương, biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 và Công văn này; Báo cáo gửi bằng văn bản qua hệ thống iOffice hoặc Văn bản giấy về UBND huyện (*Qua phòng Tài chính – Kế hoạch*).

Đề nghị các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện, mọi sự chậm trễ hoặc không thực hiện báo cáo thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước UBND huyện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (t/d);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Y Thanh**

# ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO NĂM

TÊN CƠ QUAN

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: /BC-.....(1)

(2)....., ngày..... tháng..... năm.....

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Năm.....

#### I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của đơn vị, địa phương (*Báo cáo, đánh giá cụ thể về những công việc đã và đang thực hiện trong kỳ, kết quả đạt được theo tiến độ đến cuối kỳ báo cáo*).

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP của đơn vị, địa phương (*Nêu rõ các văn bản mang tính chất chỉ đạo, điều hành công tác THTK, CLP; nêu rõ các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiết kiệm đã đề ra trong Chương trình THTK, CLP; các biện pháp về THTK, CLP đã đề ra và tình hình, kết quả triển khai thực hiện các biện pháp này theo tiến độ đến cuối kỳ báo cáo (bao gồm các biện pháp đã triển khai thực hiện từ trước kỳ báo cáo, đến kỳ báo cáo vẫn phát huy tác dụng và có kết quả cụ thể)*).

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP.

#### II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

b) THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN); trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia;

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo;

- Quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ y tế;

- Thành lập, quản lý, sử dụng quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước;

- THTK, CLP trong một số trường hợp sử dụng NSNN: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, khảo sát trong và ngoài nước; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; sử dụng điện, nước; sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm.

**- Công tác thực hiện công khai các nội dung quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và Điều 4 Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.**

c) THPTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước:

- THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại;
- THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc;
- THPTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc.

d) THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng;
- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng.

đ) THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất;
- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước;
- THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản;
- THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng;
- THPTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác.

e) THPTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước:

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước;
- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong các cơ quan, tổ chức khác.

g) THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp:

- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- THPTK, CLP trong quản lý, sử dụng đất và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;
- THPTK, CLP tại doanh nghiệp nhà nước.

h) THPTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

- THPTK, CLP trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân;
- THPTK, CLP trong tổ chức lễ hội và các hoạt động khác có sử dụng nguồn lực đóng góp của cộng đồng.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện;
- Số vụ việc đã được xử lý;
- Số người vi phạm và hình thức xử lý.

### 3. Phân tích, đánh giá:

#### a) Đánh giá kết quả đạt được:

- Đánh giá toàn diện kết quả đạt được trên các mặt chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội;
- So sánh, đối chiếu giữa kết quả đạt được với mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đã đề ra trong Chương trình THPTK, CLP của năm báo cáo.

#### b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

#### c) Những kinh nghiệm rút ra.

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo**

#### 1. Phương hướng, nhiệm vụ

#### 2. Các giải pháp.

### **IV. Đề xuất, kiến nghị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành
2. Kiến nghị về hoàn thiện các quy định pháp luật về THPTK, CLP
3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác THPTK, CLP
4. Các kiến nghị khác (nếu có).

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<sup>(1)</sup> Tên viết tắt của cơ quan, tổ chức;

<sup>(2)</sup> Nơi cơ quan, tổ chức đóng trụ sở chính.

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm .....

Lưu ý: Các đơn vị báo cáo không chỉnh sửa nội dung, kết cấu biểu mẫu đã quy định để thuận tiện cho cơ quan tổng hợp./.

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>									
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản								
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản								
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc								
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ								
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng								
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>									
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>									
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng								
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng								
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng								
1.4	Các nội dung khác									
2	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>									

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:									
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>								
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)									
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng								
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:									
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Các nội dung khác</i>									
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng								



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng								
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng								
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng								
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng								
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>									
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị								
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị								
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng								
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>									
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>									
<b>1</b>	<b>Phương tiện đi lại ( ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>									
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc								
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc								
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc								
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc								
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng								
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>									

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản								
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản								
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng								
3	<b>Các nội dung khác</b>									
IV	<b>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>									
1	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>									
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án								
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng								
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng								
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng								
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng								
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng								
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng								
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án								
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ									
	Số lượng	dự án								
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>									
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2								
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2								
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2								
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2								
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2								
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng								
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>									
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2								
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2								
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2								
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2								
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2								
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng								
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>									
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>									
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>									

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2								
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2								
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng								
1.4	Các nội dung khác									
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>									
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ								
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng								
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>									
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án								
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng								
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt									
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>									
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>									
<b>1</b>	<b>Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động</b>	vụ								
<b>2</b>	<b>Số tiền xử lý vi phạm thu được</b>	triệu đồng								
<b>3</b>	<b>Các nội dung khác</b>									

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>									
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>									
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng								
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng								
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h								
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)								
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng								
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng								
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng								
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng								
<b>2</b>	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>									
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án								
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án								
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được									
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn									
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>								
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>								
2.5	Các nội dung khác									
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>									
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>								
<b>4</b>	<b>Mua sắm tài sản, phương tiện</b>									
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con									
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>								
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>								
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>								
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>								
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>								
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>								
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>								
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>									
	Số đầu kỳ	triệu đồng								
	Số cuối kỳ	triệu đồng								
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>									
	Số đầu năm	triệu đồng								
	Số cuối kỳ	triệu đồng								
<b>VIII</b>	<b>THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân</b>									
<b>1</b>	<b>Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP</b>	<b>Lượt hộ</b>								
<b>2</b>	<b>Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện</b>	<b>Vụ</b>								
<b>IX</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP</b>									
<b>1</b>	<b>Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện</b>	cuộc								
<b>2</b>	<b>Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành</b>	cuộc								
<b>3</b>	<b>Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP</b>	cơ quan/tổ chức/đơn vị								
<b>4</b>	<b>Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện</b>	cơ quan/tổ chức/đơn vị								
<b>5</b>	<b>Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát (không tổng hợp số liệu của Ngành thuế)</b>	triệu đồng								
<b>6</b>	<b>Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi</b>	triệu đồng								

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo			So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					Tổng số	Số liệu đến từ 01/01/2023 đến 30/04/2023	Số liệu ước từ 01/05/2023 đến 30/06/2023	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=6/4	10=6/5	11

*Ghi chú: Phụ lục này dùng cho các đơn vị dự toán tỉnh, UBND các huyện, thành phố báo cáo*



**KẾT QUẢ XỬ LÝ HÀNH VI LÃNG PHÍ**

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm.....

Đơn vị	Thông tin phát hiện lãng phí nhận được, vụ việc lãng phí trong kỳ báo cáo			Tổng số vụ việc đã giải quyết	Đã xử lý									Chưa xử lý			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó			Bồi thường thiệt hại		Xử lý hành chính		Xử lý kỷ luật		Chuyển hồ sơ xử lý hình sự			Số vụ chưa xử lý	Số người chưa xử lý	Nguyên nhân	
		Thông tin phát hiện lãng phí nhận được	Vụ việc lãng phí		Số người phải bồi thường	Số tiền bồi thường (triệu đồng)	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc	Số người bị xử lý	Số vụ việc đã chuyển hồ sơ xử lý hình	Số vụ đã khởi tố	Số đối tượng đã khởi tố				
MS	1=2+3	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tổng																	

**Lưu ý:** Cột “Đơn vị” để các Bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả của các đơn vị trực thuộc